TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày: 18 - 3 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Thu Thủy

2. Bà Trần Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐST-DS ngày 01/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1979; thường trú: Số 51/25, đường Lê Quý Đôn, khu phố L 2, phường A , thành phố A , tỉnh D . Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Dương Đình C, sinh năm 1983; thường trú: Số 28/37/1A đường Xóm Đ, khu phố L 2, phường A, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị T; địa chỉ: Số 28/37/1A đường Xóm Đ, khu phố L 2, phường A, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2021, đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 16/3/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Khắc T trình bày:

Ông T và ông C có quen biết nhau, cụ thể: (vợ ông C) là em bạn học của ông T. Nhà ông T ở gần nhà ông C và bà T(hai nhà nằm ở hai hẻm gần nhau, nhà ông T nằm đấu lưng với nhà ông C). Ông C làm thầu xây dựng công trình nhà cửa. Những công

trình ông C nhận thầu thì ông C chuyển qua cho ông T làm hệ thống điện nước. Ông T bắt đầu làm ăn với ông C từ đầu năm 2019. Tính đến nay ông T đã làm với ông C khoảng 04 công trình lớn nhỏ khác nhau.

Trong quá trình làm ăn chung, ông C thiếu vốn nên có vay tiền ông T như sau:

+ Ngày 08/02/2021 ông C vay 78.500.000 đồng, mục đích vay là lấy vốn làm ăn, các bên thỏa thuận đến ngày 11/02/2021 thì ông C có trách nhiệm trả lại tiền cho ông T. Do thời gian vay ngắn nên ông T không lấy lãi và có ghi rõ trong giấy vay tiền ngày 08/02/2021 giữa các bên.

+ Ngày 10/02/2021, ông C và bà T đến nhà ông T vay thêm 400.000.000 đồng, mục đích vay là lấy vốn làm ăn, các bên thỏa thuận đến ngày 10/04/2021 thì ông C có trách nhiệm trả lại số tiền trên. Lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Tại thời điểm vay bà Tvà ông C có trả trước 6.000.000 đồng tiền lãi nên các bên thỏa thuận tại thời điểm trả tiền thì ông C phải trả số tiền lãi là 8.000.000 đồng. Tổng cộng đến ngày 10/4/2021 ông C phải trả 408.000.000 đồng. Ông T lập giấy cho mượn tiền ngày 10/02/2021, ông C ký vào bên vay, bà Tký người làm chứng.

Đến thời hạn trả tiền theo thỏa thuận tại các giấy mượn tiền vợ chồng ông C hứa hẹn nhưng không trả bất kỳ khoản tiền nào cho ông T.

Quá trình giải quyết vụa án, ông T có yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông C và bà T phải trả tiền cho ông T. Tuy nhiên tại đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 16/3/2022 ông T xác định chỉ yêu cầu ông Dương Đình C có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 478.500.000 đồng và tiền lãi là 16.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm

- Đối với bị đơn ông Dương Đình C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu tham gia phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét

xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Khắc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Khắc T khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với ông Dương Đình C. Ông C có địa chỉ tại Số 28/37/1A đường Xóm Đ, khu phố L 2, phường A, thành phố A, tỉnh D. Căn cứ các Điều: 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về tiền nợ gốc: Ông T khởi kiện yêu cầu ông C và bà Ttrả nợ vay theo Giấy cho mượn tiền ngày 08/02/2021 với số tiền 78.500.000 đồng; giấy cho mượn tiền ngày 10/02/2021 với số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi 16.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện xác định chỉ yêu cầu ông C có trách nhiệm trả số tiền trên, đây là ý chí tự nguyện của ông T nên có căn cứ chấp nhận. Ông T cung cấp bản chính các giấy cho mượn tiền có chữ ký xác nhận của ông Dương Đình C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ban hành thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ số 16/TB-TA ngày 17/12/2021 yêu cầu ông C cung cấp chứng cứ là bản sao các tài liệu, chứng cứ liên quan đến các giấy cho mượn tiền, các chứng cứ chứng minh việc trả số tiền gốc và lãi liên quan đến các giấy cho mượn tiền nói trên. Tuy nhiên ông C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã thanh toán số tiền vay được bao nhiêu, tức là ông C chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Giấy cho mượn nợ đều xác định thời hạn vay tiền. Như vậy, có cơ sở xác định đây là loại hợp đồng vay có thời hạn, quá thời hạn quy định ông C không trả số tiền vay cho ông T nên ông T có quyền đòi lại số tiền cho vay.

[3.2] Về tiền lãi suất:

+ Đối với giấy cho mượn tiền ngày 08/02/2021 ông C vay 78.500.000 đồng. Giấy vay tiền thể hiện lãi suất 0%. Quá trình giải quyết vụ án ông T xác định không yêu cầu tính lãi, đây là ý chí tự nguyện của ông T nên có căn cứ chấp nhận.

+ Đối với giấy cho mượn tiền ngày 10/02/2021, thể hiện lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, quá trình giải quyết vụ án ông T cũng thừa nhận các bên thỏa thuận mức lãi suất này và có nhận của ông C 6.000.000 đồng tiền lãi. Xét, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng thấy rằng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì lãi

suất vay do các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Tuy nhiên ông T xác định chỉ yêu cầu ông C trả số tiền lãi 16.000.000 đồng, số tiền này không vượt quá mức lãi suất 20%/năm nên có căn cứ chấp nhận

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Ông C có trách nhiệm trả nợ gốc cho ông T là 478.500.000 đồng và tiền lãi 16.000.000 đồng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Đình C phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của ông Nguyễn Khắc T được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Chi phí tố tụng khác là 3.400.000 đồng, nguyên đơn đã tạm ứng. Bị đơn phải chịu và có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 91, 92, 147,184, 229, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc T đối với ông Dương Đình C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Dương Đình C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Khắc T số tiền 494.500.000 đồng (bốn trăm chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Đình C phải chịu 23.780.000 (hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Khắc T số tiền tạm ứng phí đã nộp là 11.890.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003119 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Dương Đình C phải chịu 3.400.000 đồng đồng và có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Khắc T.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Nam